

SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ YÊN
TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ SÔNG CẦU

BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
QUÝ II NĂM 2024

CỦA DỰ ÁN TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ SÔNG CẦU
PHƯỜNG XUÂN YÊN, TX.SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

Phú Yên, tháng 7 năm 2024

Số: ~~438~~/BC-YTSC

Phú Yên, ngày 08 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO

Công tác bảo vệ môi trường Quý II năm 2024

THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trung tâm Y tế thị xã Sông Cầu.

- Địa chỉ: số nhà 02 - Đường Phạm Văn Đồng - Phường Xuân Yên - Thị xã Sông Cầu – Tỉnh Phú Yên.

- Điện thoại: 0257.3875253

Fax: 0257.3875253

- Người đại diện: BSCKI Nguyễn Chí Cường - Chức vụ: Phó Giám đốc Phụ trách.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám chữa bệnh; quy mô/công suất: 155 giường; Tần suất hoạt động (thường xuyên).

- Giấy xác nhận số 11/GXN-STNMT ngày 19/4/2016 của Sở Tài nguyên & Môi trường V/v đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành hạng mục hệ thống xử lý nước thải y tế của dự án “Trung tâm y tế thị xã Sông Cầu” tại 02 Phạm Văn Đồng, phường Xuân Yên, TX. Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Nhiên liệu, điện tiêu thụ của quý báo cáo và quý gần nhất (kèm theo đơn vị đo):

- Quý I-2024

- + Điện: 36.629 kw/h;

- + Nước: 1.771 m³.

- Quý II-2024

- + Điện: 73.173 kw/h;

- + Nước: 2.092 m³.

Phần 1. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

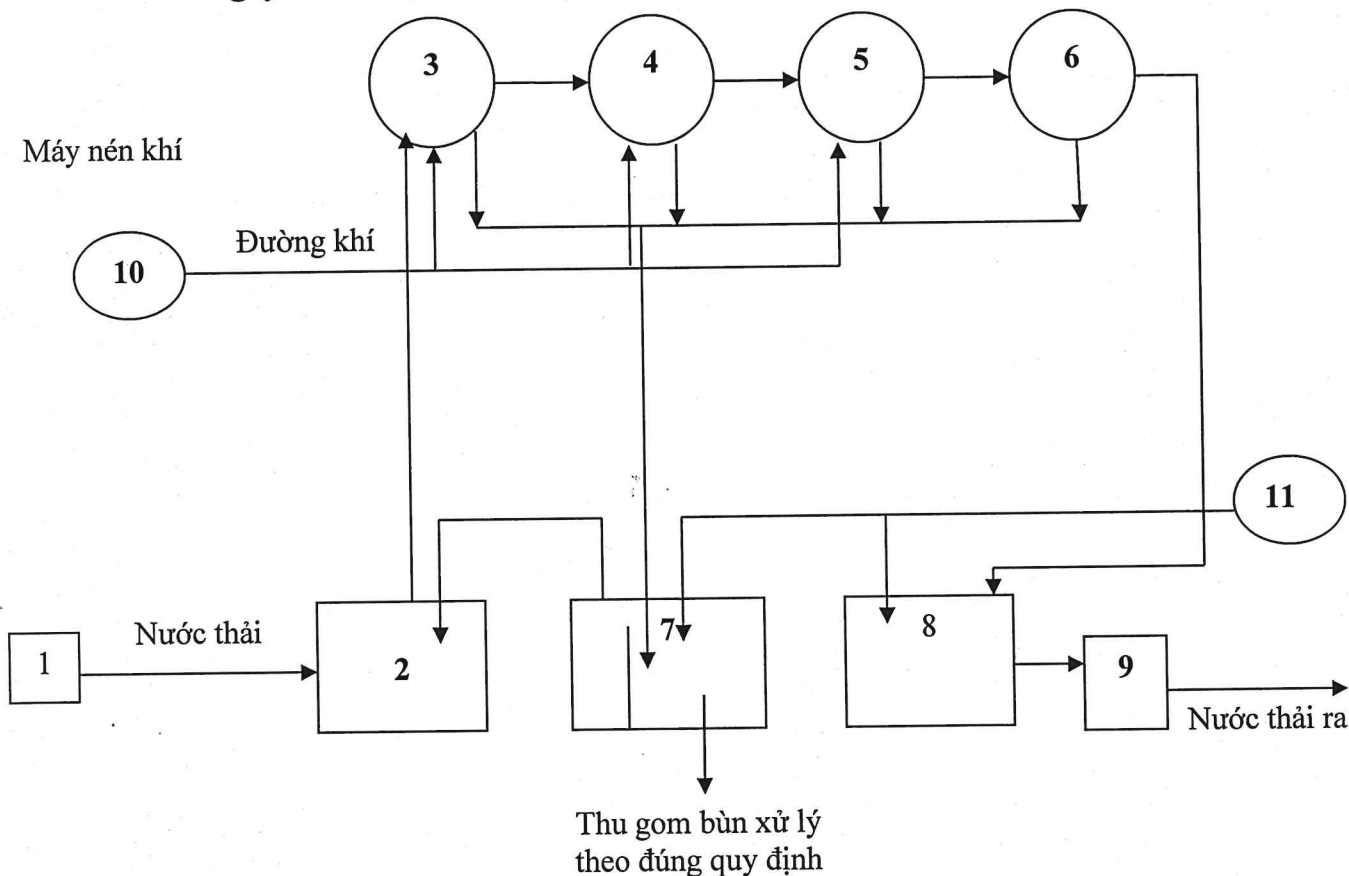
1.1. Xử lý nước thải

- Công trình xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh: Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, theo cống dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải từ các hoạt động của Trung tâm: Toàn bộ lượng nước thải được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước tập trung.

- Kết quả xử lý nước thải: Toàn bộ lượng nước thải (bao gồm nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh và Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh của Trung tâm) được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước tập trung với công suất 150 m³/ngàyđêm, được trình bày trong sơ đồ sau:

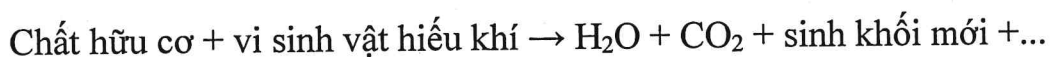


Thuyết minh sơ đồ công nghệ:

Nước thải của toàn Trung tâm được gom theo ống dẫn vào hố ga có song chắn rác để loại bỏ rác thải có kích thước >5mm trước khi chảy vào bể điều hòa.

Bể điều hòa được cấp ô xy liên tục, vừa có chức năng thu gom, vừa có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và xử lý sơ bộ nước thải.

Sau khi vào bể điều hòa, nước thải được bơm lên bồn sinh học bậc 1, nước thải đi từ dưới lên, và không khí được nén từ máy khí vào bồn lọc sinh học cũng đi từ dưới lên. Nước thải và không khí đi lên qua khe hở của giá thể đã có vi sinh hiếu khí bám trên bề mặt. Dưới tác dụng của vi sinh vật hiếu khí, các chất hữu cơ có trong nước thải bị oxy hóa thành CO₂ và H₂O... theo phản ứng sau:



Trình tự oxy hóa được lặp lại như vậy ở bồn lọc sinh học 2 và 3, nước thải khi đi qua 3 bồn lọc sinh học, về cơ bản, hợp chất hữu cơ đã bị loại bỏ.

Quá trình lên men sẽ phát sinh mạnh vi sinh. Các vi sinh sẽ chết và xác sẽ lắng xuống trong 3 bồn, định kỳ mở van xả đáy của 3 bồn để gom xác vi sinh về bể gom bùn. Sau đó nước thải được lọc qua bồn lọc cơ học và hấp thụ số 4 để làm trong nước.

Nước thải sau khi lọc cơ học được chảy vào bể tiếp xúc khử trùng. Bổ sung thêm chất khử trùng (Clorin) với liều lượng 5g/m^3 nước thải. Sau khi qua giai đoạn này các vi khuẩn, vi sinh vật sẽ bị loại bỏ. Cuối cùng nước thải được dẫn đến hồ hoàn thiện nhằm ổn định tính chất nước thải sau khi xử lý và tăng cường hiệu quả khử các chất hữu cơ còn sót lại trong nước thải.

Nước thải ra khỏi bể khử trùng, thải vào nguồn tiếp nhận qua bể kiểm tra nước thải, trước khi thải vào nguồn tiếp nhận nước thải đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (Cột B, K=1,2).

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong quý báo cáo 2.160 m^3 và quý gần nhất 2.160 m^3 ; Tổng lưu lượng theo thiết kế được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường $24\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

1.2. Kết quả quan trắc nước thải

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải

- Thời gian quan trắc: Ngày 03/6/2024
- Tần suất quan trắc: 4 lần/năm (03 tháng/lần).
- Vị trí các điểm quan trắc: Tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải bệnh viện (Tọa độ: X= 1488930; Y= 0578061).
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 01 mẫu.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 28:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế Cột B, (k=1,2).
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Quan trắc tài nguyên và Môi trường, Số Vmcerts: 144
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: không.

1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động: Không

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

2.1. Xử lý khí thải

- Công trình xử lý khí thải:
- + Khí thải từ các phương tiện giao thông:

Thiết kế vị trí xây dựng Nhà để xe hợp lý, có biển báo hướng dẫn để xe đúng quy định;

Tại cổng ra vào Trung tâm gắn biển báo “xuống xe tắt máy” khi ra, vào Trung tâm;

Không được sử dụng ga lớn khi điều khiển phương tiện giao thông tại khu vực Trung tâm, để hạn chế ô nhiễm khí thải và tiếng ồn;

+ Khí thải từ máy phát điện dự phòng:

Máy phát điện được bố trí tại khu vực thông thoáng, nhiều cây xanh tạo điều kiện phát tán tốt khí thải;

Sử dụng dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp nhằm giảm lượng khí độc ra môi trường.

+ Khí thải rò rỉ từ các máy điều hòa nhiệt độ:

Kiểm soát các hệ thống làm lạnh thường xuyên để ngăn chặn, khắc phục sự cố rò rỉ khí NH_3 ;

Hệ thống hút khí thải riêng lẻ để đảm bảo sự trao đổi không khí được duy trì theo các tiêu chuẩn về thông gió, nhằm bảo đảm thông thoáng cho tất cả các khu vực;

Hệ thống nước ngưng bằng ống nhựa PVC. Độ dốc cho đường ngưng nước đảm bảo cho thoát nước tốt nhất.

+ Tiếng ồn:

Các xe cơ giới không được chạy trong Trung tâm, đến cổng phải xuống xe tắt máy;

Kiểm tra các thiết bị thường xuyên để phát hiện các bộ phận gây ồn.

+ Mùi hôi:

Bố trí hệ thống thông gió trong các phòng nhằm đảm bảo cho môi trường không khí trong phòng thông thoáng, phòng ngừa các bệnh về đường hô hấp;

Trang bị đầy đủ các loại thùng rác, các dụng cụ vệ sinh buồng phòng;

Tăng cường công tác vệ sinh, lau chùi, rửa sạch các khu vực phát sinh mùi hôi;

Quét dọn, thu gom rác thải thường xuyên tránh tồn trữ tại các khoa phòng;

Bảo đảm hệ thống xử lý nước thải và hệ thống lò đốt rác y tế vận hành tốt nhất để giảm thiểu mùi hôi và khả năng ứ đọng rác tại các khoa phòng;

Trang bị đầy đủ các vật dụng bảo hộ lao động như: Găng tay, mũ, khẩu trang y tế, áo blu...;

Vệ sinh ngoại cảnh: Đường đi dọn dẹp sạch sẽ; Quần áo bệnh nhân, các loại vải che, bọc được phơi tập trung tại nơi quy định; Thường xuyên tổ chức phun thuốc diệt muỗi và côn trùng, vật chủ trung gian truyền bệnh tại khu vực

Trung tâm và xung quanh, kiểm tra vệ sinh môi trường ngoài hàng rào Trung tâm.

+ Khí thải phát sinh từ lò đốt rác thải y tế:

Lò đốt gồm 02 buồng: Sơ cấp và thứ cấp đốt cháy triệt tiêu các chất ô nhiễm, tiết kiệm nhiên liệu nên giảm thiểu được nồng độ ô nhiễm khí thải ra.

Khí thải khi ra ngoài môi trường thấp dưới mức cho phép của QCVN 02:2012/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất thải lò đốt chất thải rắn y tế.

Để hạn chế ảnh hưởng từ lò đốt rác đến sức khỏe các hộ dân cư xung quanh (nhất là về mùi hôi), Trung tâm đã bố trí thời gian đốt là từ 23h-24h của các ngày trong tuần.

2.2. Kết quả quan trắc khí thải

2.2.1. Quan trắc định kỳ khí thải: Không

Hiện tại, Trung tâm y tế thị xã Sông Cầu không sử dụng lò đốt để đốt rác thải y tế mà thuê Doanh nghiệp tư nhân Hậu Sanh thu gom với tần suất 2 lần/tuần để vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Vì vậy, không thực hiện việc quan trắc mẫu khí thải từ lò đốt rác thải y tế.

2.2.2. Quan trắc khí thải liên tục, tự động: Không

3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

Thông kê CTRSH:

TT	CTRSH	Khối lượng (tấn)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng quy gần nhất (tấn)
1	Vỏ trái cây, thức ăn dư thừa, các loại bao bì, giấy loại, túi ni lông, thủy tinh, vỏ lon nước giải khát, xà bần,...	3.089	Công ty TNHH xây dựng Nghĩa Hà	3.100
	Tổng cộng	3.089		3.100

4. Về quản lý chất thải nguy hại:

Thông kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng quý gần nhất (kg)
Rác thải y tế	130101	803	Khác (Thuê đơn vị thu gom)	Công ty TNHH TM & MT Hậu Sanh	846
Tổng số lượng		803			846

- Kế hoạch quản lý chất thải nguy hại trong kỳ báo cáo tới: Trung tâm y tế thị xã Sông Cầu tiếp tục công tác giám sát, thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN & MT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Về quản lý chất thải y tế

5.1. Thống kê chất thải y tế phát sinh và được xử lý tại cơ sở y tế trong kỳ báo cáo:

TT	Loại chất thải y tế	Mã chất thải nguy hại	Đơn vị tính	Khối lượng chất thải phát sinh	Khối lượng chất thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	Xử lý chất thải y tế			
						Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý		Tự xử lý tại cơ sở y tế	
						Khối lượng	Tên đơn vị chuyển giao	Số lượng	Hình thức/ Phương pháp xử lý ^(*)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Tổng lượng chất thải y tế nguy hại		kg/quý						
1	Tổng lượng chất thải lây nhiễm:		kg/quý	803		803	Công ty TNHH TM & MT Hậu Sanh		
1.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn		kg/quý	187		187	Công ty TNHH TM & MT Hậu Sanh		

							Sanh		
1.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhộn		kg/quý	616		616	Công ty T NHH TM & MT Hậu Sanh		
1.3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao		kg/quý						
1.4	Chất thải giải phẫu		kg/quý						
2	Tổng lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm, gồm:		kg/quý						
2.1	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng		kg/quý						
2.2	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất		kg/quý						
2.3	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hóa chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hóa chất thuộc nhóm gây		kg/quý						

	độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất								
2.4	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân, cadimi		kg/quý						
2.5	Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng		kg/quý						
2.6	Tổng lượng chất thải nguy hại khác		kg/quý						
II	Tổng lượng chất thải rắn thông thường	kg/quý	3.089		3.089	Công ty TNHH xây dựng NGHĨA HÀ			
III	Tổng lưu lượng nước thải	m ³ /quý							<i>HTXLNT</i>
3.1	Nước thải y tế	m ³ /quý	810				810		<i>HTXLNT</i>
3.2	Nước thải sinh hoạt	m ³ /quý	1.350				1.350		<i>HTXLNT</i>

5.2. Thống kê lượng chất thải nhựa trong quý

TT	Loại chất thải nhựa	Khối lượng phát sinh (kg/quý)	Khối lượng chuyển giao để tái chế (kg/quý)	Tên đơn vị nhận chuyển giao để tái chế
1	Chất thải lây nhiễm			
2	Chất thải nguy hại không lây nhiễm			
3	Chất thải rắn thông thường:	316	316	
-	Chất thải rắn thông thường từ sinh hoạt thường ngày	241	241	
-	Chất thải rắn thông thường từ hoạt động chuyên môn y tế	75	75	
	Tổng cộng (1+2+3)	316	316	

6. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

6.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường:

+ Để tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường Trung tâm y tế thị xã Sông Cầu đã phối hợp với đơn vị thi công xây dựng các hạng mục công trình bảo vệ môi trường như hệ thống xử lý nước thải, kho chứa hóa chất, nơi lưu giữ chất thải nguy hại. Trong thời gian vận hành dự án, Trung tâm sẽ thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và có kế hoạch tổ chức giám sát, kiểm tra định kỳ 03 tháng/lần các công tác biện pháp bảo vệ môi trường tại dự án;

+ Khi xảy ra sự cố môi trường, bệnh viện sẽ ngừng ngay mọi hoạt động gây ô nhiễm môi trường, thực hiện các biện pháp để hạn chế mức độ thiệt hại và báo cáo cho chính quyền địa phương để kịp thời hỗ trợ ứng phó; đồng thời báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có thẩm quyền để hướng dẫn ứng phó, khắc phục và giải quyết các vấn đề phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

+ Khi sự cố môi trường xảy ra, bên cạnh việc tổ chức các hoạt động ứng phó cần triển khai việc điều tra, xác định nguyên nhân sự cố môi trường, phạm vi ô nhiễm, thiệt hại do sự cố môi trường gây ra. Trung tâm sẽ có biện pháp loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố môi trường khi phát hiện có dấu hiệu sự cố môi trường;

+ Trung tâm sẽ bố trí nhân lực sẵn sàng phòng ngừa, ứng phó, khắc phục

sự cố môi trường trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Định kỳ 01 năm/lần tổ chức đào tạo, tập huấn và diễn tập về các nội dung trong kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tới cán bộ, người lao động trong cơ sở;

+ Công khai thông tin về rủi ro gây sự cố trong quá trình hoạt động tới cộng đồng dân cư, chính quyền địa phương và các cơ sở sản xuất khác trong khu vực để phối hợp trong quá trình phòng ngừa và ứng phó sự cố.

6.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, tập trung làm rõ các nội dung chính như sau:

- Các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường tại cơ sở.

+ Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố lây nhiễm dịch bệnh:

Tuân thủ các quy định kỹ thuật tại Trung tâm về công tác thanh trùng, khử khuẩn các dụng cụ y tế, vệ sinh an toàn thực phẩm...;

Sử dụng nước sạch, dụng cụ, phương tiện, hóa chất khử khuẩn trong các giai đoạn khám, chữa bệnh.

+ Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố từ việc hư, hỏng thiết bị y tế, thiết bị cấp cứu:

Thường xuyên bảo trì thiết bị và thay thế mới các thiết bị cũ. Vận hành thiết bị y tế theo đúng quy trình kỹ thuật.

+ Biện pháp quản lý, phòng ngừa và xử lý sự cố đổ tràn chất thải y tế nguy hại:

- Sơ tán vùng bị nhiễm bẩn; Xác định tính chất của chất thải đổ tràn;
- Sơ tán những người không liên quan đến việc dọn dẹp vệ sinh;
- Bảo vệ khu vực nhiễm bẩn để ngăn ngừa thêm có người bị phơi nhiễm;
- Cung cấp đầy đủ bảo hộ lao động cho người tham gia dọn dẹp vệ sinh;
- Thu gom toàn bộ vật liệu bị đổ tràn hay bị nhiễm bẩn;
- Làm sạch và khử khuẩn khu vực nhiễm bẩn.

+ Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải:

• Đảm bảo vận hành HTXLNT theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong HTXLNT một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp;

• Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống đồng thời cũng là tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

+ Sự cố về lò đốt chất thải rắn y tế:

• Thường xuyên kiểm tra chế độ vận hành của lò đốt theo quy định; Bảo đảm thực hiện đúng khâu phân loại chất thải để đốt, không được đốt các bình áp suất dù có kích cỡ nhỏ;

- Thường xuyên kiểm tra nhiệt độ lò đốt thông qua đồng hồ điện tử của lò;
- Nếu thấy có bất cứ vấn đề gì bất thường về lưu lượng khí thoát ra, về các

chất tro còn lại sau khi đốt, cần dùng lò đốt, tìm hiểu nguyên nhân khắc phục và báo các cơ quan chức năng để giải quyết.

- Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở.

Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường, bệnh viện phải dừng ngay hoạt động vận hành và báo cáo kịp thời tới cơ quan cấp giấy phép môi trường để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Sở TN & MT tỉnh Phú Yên;
- UBND thị xã Sông Cầu;
- Lưu: VT.

TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ SÔNG CẦU



BSCKI. Nguyễn Chí Cường

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH PHÚ YÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ĐC: 73 Phạm Ngọc Thạch, phường 9, thành phố Tuy Hòa

Tel: 0257.3843015; Fax: 0257.3843015

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 144

YC: 94

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2660624/QTTNMT-NT

Ngày 19/6/2024

1. Tên mẫu thử: NƯỚC THẢI

2. Số lượng mẫu: 01

3. Nơi gửi mẫu/yêu cầu: TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ SÔNG CẦU.

4. Thông tin mẫu:

- Đơn vị lấy mẫu: Phòng Quan trắc và Thí nghiệm -Trung tâm Quan trắc TN&MT.

- Thời gian lấy mẫu: ngày 03/6/2024.

5. Kí hiệu mẫu:

NT-YTSC-138: Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải bệnh viện (Tọa độ: X= 1488930; Y= 0578061).

6. Kết quả:

TT	Thông số	Phương pháp đo đạc, phân tích	Đơn vị tính	Kết quả	QC28:2010/ BTNMT (Cột B, k=1,2)
				NT-YTSC- 138	
6.1	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,34	6,5-8,5
6.2	TSS ^(*)	SMEWW 2540D:2017	mg/l	5	120
6.3	COD ^(*)	SMEWW 5220C:2017	mg/l	96,0	120
6.4	BOD ₅ ^(*)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	56,1	60
6.5	NH ₄ ⁺ ^(*)	TCVN 5988:1995	mg/l	1,68	12
2	PO ₄ ³⁻ ^(*)	SMEWW 4500-P.E:2017	mg/l	2,07	12
6.7	S ²⁻ ^(*)	TCVN 6637:2000	mg/l	0,01	4,8
6.8	Coliforms ^(*)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	2,1.10 ²	5000
6.9	Dầu, mỡ động thực vật ^(*)	SMEWW 5520.B&F:2017	mg/l	<0,3	24
6.10	NO ₃ ^(**)	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2017	mg/l	1,73	60
6.11	Salmonella ^(**)	SMEWW 9274:2023	VK/100ml	KPH	KPH
6.12	Shigella ^(**)	SMEWW 9276:2023	VK/100ml	KPH	KPH
6.13	Vibrio cholerae ^(**)	SMEWW 9278:2023	VK/100ml	KPH	KPH

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ
THÍ NGHIỆM

Nguyễn Ngọc Như Sơn

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hải Minh

* Ghi chú:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc.

- Thông số có dấu (*) đã được chứng nhận VIMCERTS 144.

- Thông số có dấu (**): nhà thầu phụ, đã được chứng nhận VIMCERTS 075, VILAS 533.

- Dấu (-) không quy định.

- KPH: Không phát hiện.

- Không được trích, sao một phần kết quả phân tích này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.

- Sau 7 ngày kể từ ngày trả kết quả mẫu sẽ được thanh lý, mọi sự khiếu nại không được giải quyết.